

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 53/2022/DS - ST

Ngày: 19/9/2022

V/v: “tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản và nợ hui”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: ông Mai Vũ Hoài Phương - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2022/TB-TLVA ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: xóm 2, ĐN, NG, Đ, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1981

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

(bà H có mặt; bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: bà có tham gia một số phần hui (huê) do bà Nguyễn Thị Cẩm T làm chủ cái hui (huê), cụ thể:

-Dây hụi 5.000.000đồng/tháng bắt đầu ngày 05/3/2019, dây hụi gồm 18 phần, là hụi hưởng hoa H, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 16 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng gần 4.000.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 3.800.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hụi này là (16 tháng x 3.800.000đồng), thành tiền 60.800.000đồng.

-Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 01/10/2019 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 09 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hụi này là (09 tháng x 1.500.000đồng), thành tiền 13.500.000đồng.

-Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/12/2019 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 07 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hụi này là (07 tháng x 1.500.000đồng) thành tiền 10.500.000đồng.

-Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 15/5/2019 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 14 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 750.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 750.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hụi này là (14 tháng x 750.000đồng), thành tiền 10.500.000đồng.

- Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 01/3/2020 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 04 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hụi này là (04 tháng x 1.500.000đồng) thành tiền 6.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà đã đóng cho tất cả các dây hụi nêu trên là 101.300.000đồng.

-Đối với dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu vào tháng 12/2019, đã đóng được 07 tháng nhưng bà T không nhớ dây hụi này và bà cũng không lưu lại giấy tờ gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền hụi bà đã đóng của dây hụi 2.000.000đồng này nữa. Và đối với dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/11/2020 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 08 tháng, do bà T ghi nhầm số năm 2019 thành năm 2020, tại phiên tòa bà cũng xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi này.

Ngoài các dây hội nêu trên thì bà T không nợ bà tiền của dây hội nào và tiền nợ vay nào khác.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà tiền nợ hội (huê) tổng cộng là 101.300.000đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và có trình bày như sau:

Bà T có bản tự khai và Tòa án lấy lời khai thì bà T khai có cầm cái hội (huê) và bà H có tham gia các dây hội như bà H khai. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

-Dây hội 5.000.000đồng/tháng ngày 05/3/2019, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 16 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng 3.800.000đồng.

-Dây hội 2.000.000đồng/tháng ngày 01/10/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 09 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng 1.500.000đồng

-Dây hội 1.000.000đồng/tháng ngày 20/11/2020 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 08 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng 7.500.000đồng

-Dây hội 2.000.000đồng/tháng ngày 20/10/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 07 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng 1.500.000đồng

-Dây hội 1.000.000đồng/tháng ngày 15/5/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 14 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng 750.000đồng.

-Dây hội áp cái 2.000.000đồng/tháng ngày 01/3/2020 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hội và đã đóng được 04 tháng, số tiền hàng tháng đóng 1.500.000đồng

-Đôi với dây hội áp cái 2.000.000đồng/tháng vào tháng 12/2019, đã đóng được 07 tháng nhưng bà không nhớ dây hội này nên đề nghị Tòa án căn cứ chứng cứ để giải quyết theo quy định.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ hội (huê) thì bà đồng ý trả số tiền bà H đã đóng thực tế của các dây hội nêu trên.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không tiến hành được.

Tại phiên tòa: bà H yêu cầu bà T trả cho bà tổng số tiền nợ hội (huê) 101.300.000đồng và bà trình bày bổ sung là tất cả các dây hội do bà T làm cái bà có tham gia chơi hội là hội hưởng hoa H chứ không phải dây hội áp cái. Bà xin rút

phần yêu cầu đối với dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/11/2020 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 08 tháng, do bà T ghi nhầm số năm 2019 thành năm 2020, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền hụi bà đã đóng trong dây hụi này nữa. Đối với dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu vào tháng 12/2019, đã đóng được 07 tháng nhưng bà T không nhớ dây hụi này và bà cũng không lưu lại giấy tờ gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền hụi bà đã đóng của dây hụi 2.000.000đồng này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ hụi (huê) 101.300.000đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần khởi kiện của dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu vào tháng 12/2019, bà H đã đóng được 07 tháng và dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/11/2020 âm lịch, dây hụi gồm 18 phần, bà H tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 08 tháng. Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: bị đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: xuất phát từ việc giữa bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị Cẩm T có quan hệ tham gia chơi hụi với nhau. Trong quá trình chơi hụi với nhau do bà T làm chủ cái hụi thì bà T còn nợ tiền hụi, đến thời hạn thanh toán tiền nợ hụi nhưng bà T không trả cho bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà tiền nợ hụi (huê). Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà T trả cho bà tổng số tiền nợ hụi (huê) 101.300.000đồng và bà trình bày bổ sung là tất cả các dây hụi do bà T làm chủ bà có tham gia chơi hụi là hụi hưởng hoa H chứ không phải dây hụi áp cái. Bà xin rút phần yêu cầu đối với dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu vào tháng 12/2019, bà

H đã đóng được 07 tháng và dây hui 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/11/2020 âm lịch, dây hui gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hui và đã đóng được 08 tháng, do bà T ghi nhầm số năm 2019 thành năm 2020, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền hui bà đã đóng trong dây hui này nữa, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp nợ hui”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là sổ xác nhận tham gia chơi hui (huê) ngày 20/12/2019 âm lịch, hui 2.000.000đồng (gồm 16 phần); sổ xác nhận tham gia chơi hui (huê) ngày 20/11/2020 âm lịch, hui 1.000.000đồng (gồm 18 phần); sổ xác nhận tham gia chơi hui (huê) ngày 05/3/2019 âm lịch, hui 5.000.000đồng (gồm 16 phần; sổ xác nhận tham gia chơi hui (huê) ngày 15/5/2019 âm lịch, hui 1.000.000đồng (gồm 18 phần) (tất cả bản chính); sổ xác nhận tham gia chơi hui (huê) ngày 01/10/2019 âm lịch, hui 2.000.000đồng (gồm 18 phần) bản phô tô; và có chữ viết xác nhận của bà Nguyễn Thị Cẩm T và bà T cũng thừa nhận có làm chủ cái nhiều dây hui và bà H có tham gia chơi hui với bà và hiện bà còn nợ bà H tiền hui như bà H khai. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định việc bà H có tham gia chơi hui do bà T làm chủ cái hui và bà T còn nợ tiền hui bà H là có xảy ra trên thực tế.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt cho bà T nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và có trình bày đồng ý trả tiền nợ hui (huê) cho bà H.

[3.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui mặc dù bà H đã yêu cầu phải trả nợ nhiều lần nên bà H kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền nợ hui (huê) 101.300.000đồng là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những nhận định và phân tích như trên, cần buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ hui (huê) 101.300.000đồng.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn là 101.300.000đồng x 5% = 5.065.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phưòng.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc “tranh chấp nợ hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 101.300.000đồng (một trăm lẻ một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền nợ hụi.

2. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 5.056.000đồng (năm triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 3.750.000đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008049 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/9/2022); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

